

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 9- 2022
“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thu Trang**

2. Ông **Phạm Đức Hoài**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGD, ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hoàng A, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp X, xã T Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp X, xã T Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Hoàng A có mặt; Chị Đ vắng mặt lần 02 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án ông Phạm Hoàng A trình bày như sau:

Ông Hoàng A và chị Đ chung sống với nhau vào năm 1986, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, không chung lo cho đời sống vợ chồng, vợ chồng đã hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân cuối năm 2019 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng A yêu cầu ly hôn với bà Đ

Về con chung: Có 04 con chung tên, Phạm Thị K, sinh ngày 01/01/1989; Phạm Tam L, sinh ngày 01/04/1990; Phạm Thị Chúc L, sinh ngày 01/01/2001 và Phạm Trúc L, sinh ngày 03/6/2000, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Đặng Thị Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản photo); 04 giấy khai sinh (Bản sao); 01 Đơn xác nhận hôn nhân (Bản sao); đơn xác nhận tình trạng nơi cư trú của bị đơn; biên bản xác minh chính quyền địa phương.

Theo kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân ông Hoàng A và bà Đ có mâu thuẫn là đời sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Vợ chồng có 04 con chung tên, Phạm Thị K, sinh ngày 01/01/1989; Phạm Tam L, sinh ngày 01/04/1990; Phạm Thị Chúc L, sinh ngày 01/01/2001 và Phạm Trúc L, sinh ngày 03/6/2000, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Đ vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xử cho ông Hoàng A được ly hôn với bà Đ; Về con chung: Có 04 con chung tên, Phạm Thị K, sinh ngày 01/01/1989; Phạm Tam L, sinh ngày 01/04/1990; Phạm Thị Chúc L, sinh ngày 01/01/2001 và Phạm Trúc L, sinh ngày 03/6/2000, các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Anh Hoàng A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Hoàng A yêu cầu được ly hôn với bà Đ nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn”.

Ông Hoàng A và bà Đ chung sống với nhau vào năm 1986, mặc dù ông Hoàng A và bà Diệu không có đăng ký kết hôn, tuy nhiên do ông bà đã chung sống với nhau vào năm 1986, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang và quan hệ hôn nhân của ông bà được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Đ vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Hoàng A, không thể hiện hiện ý chí hàn gắn hôn nhân, vợ chồng đã tự ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không còn quan tâm chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông, bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không

đạt được nên căn cứ vào Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình 2000 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng A được ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Ông Hoàng A xác định vợ chồng có 04 con chung tên, Phạm Thị K, sinh ngày 01/01/1989; Phạm Tam L, sinh ngày 01/04/1990; Phạm Thị Chúc L, sinh ngày 01/01/2001 và Phạm Trúc L, sinh ngày 03/6/2000, các người con hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Ông Hoàng A xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Hoàng A có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Hoàng A được ly hôn với bà Đặng Thị Đ.

2. Về con chung: Có 04 con chung tên, Phạm Thị K, sinh ngày 01/01/1989; Phạm Tam L, sinh ngày 01/04/1990; Phạm Thị Chúc L, sinh ngày 01/01/2001 và Phạm Trúc L, sinh ngày 03/6/2000, các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Ông Phạm Hoàng A xác định không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Phạm Hoàng A có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền

tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004745 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Ông Phạm Hoàng A đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, anh Hoàng A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đ vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm